TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - PT
Ngày 26/11/2018
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Hữu Khoa;

2. Ông Phạm Ngọc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"* do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai có bị đơn ông Phạm Minh H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2018/QĐ - PT ngày 05/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Minh H - Sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Tổ dân phố P 3, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đình H - Sinh năm: 1975.

- Chị Trần Thị N - Sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị N: Anh Nguyễn Đình H (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2008). Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Minh H kết hôn ngày 02/02/1988, đến tháng 6/2016 thì ly hôn. Trong quá trình giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Minh H đã thống nhất thỏa thuận bằng văn bản tặng cho toàn bộ tài sản là nhà, đất ở và đất trồng lúa tại thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai cho con trai là Phạm Đức C. Tài sản còn lại chưa chia là quyền sử dụng diện tích 556,5m^2 đất (trong đó có 400m^2 đất thổ cư và 156,5m^2 đất trồng cây hàng năm) tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N (đây là tài sản chung của bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Minh H được xác định theo bản án số 07/2017/DS-PT ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai). Nay bà Nguyễn Thị B không có nhà ở nên có nguyện vọng được sử dụng ½ diện tích đất để làm nhà ở và được sử dụng ½ diện tích đất trồng cây để canh tác. Ngoài ra bà Nguyễn Thị B không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Minh H trình bày:

Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B đã ly hôn theo bản án số 10/2016/HNGĐ-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B có tạo dựng được một số tài sản chung là 01 nhà xây cấp III có diện tích 170m^2, 2,8ha đất trồng rừng và đất trồng lúa tại thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận bằng văn bản tặng cho toàn bộ tài sản chung này cho con trai là Phạm Đức C và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, năm 2003 ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B còn nhận chuyển nhượng của ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng 556,5m^2 đất trong đó có 400m^2 đất thổ cư và 156,5m^2 đất trồng cây hàng năm tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn ông bà không thỏa thuận chia tài sản đối với diện tích đất này do vụ việc đang giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Đến ngày 18/9/2017 mới giải quyết xong theo bản án số 07/2017/DS-PT ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N đã trả lại cho ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B quyền sử dụng 556,5m^2 đất. Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B phải thực hiện nghĩa vụ dân sự trả lại các khoản tiền cho anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N. Nay bà Nguyễn Thị B yêu cầu được chia tài sản là quyền sử dụng 556,5m^2 đất, ông Phạm Minh H không đồng ý vì ông Phạm Minh H cho rằng quyền sử dụng 556,5m^2 đất là của ông Phạm Minh H. Mặc dù là tài sản nhận chuyển nhượng từ

năm 2003, nhưng năm 2010 bà Nguyễn Thị B đã tự ý chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N không có chữ ký của ông Phạm Minh H. Ông Phạm Minh H đã phải đi khởi kiện để đòi lại quyền sử dụng đất, do đó bà Nguyễn Thị B không có quyền đòi chia quyền sử dụng 556,5m^2 đất tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị N là anh Nguyễn Đình H trình bày:

Ngày 23/8/2010 anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị B quyền sử dụng 556,5m^2 đất trong đó có 400m^2 đất thổ cư và 156,5m^2 đất trồng cây hàng năm tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai với giá 120.000.000VNĐ. Ngày 24/8/2010 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N. Tháng 12/2010 ông Phạm Minh H khởi kiện yêu cầu yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đình H, chị Trần Thị N. Qua nhiều lần xét xử, lần cuối cùng xét xử vào ngày 18/9/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mới giải quyết xong, các bên đương sự đều thống nhất, bản án số 07/2017/DS-PT ngày 18/9/2017 đã có hiệu lực pháp luật. Anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N đã trả lại cho ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B quyền sử dụng 556,5m^2 đất tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B phải thực hiện nghĩa vụ dân sự trả lại các khoản tiền cho anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình H đã yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành phần nghĩa vụ theo bản án số 07/2017/DS-PT ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Vì vậy việc ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B chia tài sản chung như thế nào là quyền quyết định của ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B. Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai hiện mang tên anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N, anh Nguyễn Đình H đã nộp lại cho cơ quan thi hành án huyện B, tỉnh Lào Cai và nhất trí để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi khi giải quyết vụ án.

Bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ Điều 33; Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn, cụ thể như sau.

1. Giao cho ông Phạm Minh H được quyền sử dụng:

+ 184,0m^2 đất ở nông thôn tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ ngày 24/8/2010 mang tên ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị N, trị giá: 220.800.000VNĐ (*Hai trăm hai mươi*

triệu tám trăm nghìn đồng). Tại thửa số 129 tờ bản đồ PC35 (*Kèm theo sơ đồ trích thửa ký hiệu thửa 129a*).

Phía Bắc giáp thửa 821 (Phần diện tích đất ở giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng), có chiều dài cạnh 10,6m.

Phía Tây giáp hành lang quốc lộ 4E có chiều dài cạnh 18,4m.

Phía Nam giáp thửa 170 mang tên ông Lê Thanh Thủy có chiều dài cạnh 9,7m.

Phía Đông giáp phần diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều dài cạnh là 18,1m.

+ 212,9m^2 (Phía sau diện tích 184m^2 thửa 129) để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung hợp thửa. (*Kèm theo sơ đồ trích thửa, ký hiệu số thứ tự 4*).

Phía Bắc giáp phần diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ (Tạm giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng) có chiều dài cạnh 11,2m.

Phía Tây giáp thửa 821 đã được cấp GCNQSDĐ (Phần diện tích đất ở giao cho ông Phạm Minh H sử dụng), có chiều dài cạnh là 18,1m.

Phía Nam giáp giáp thửa 170 mang tên ông Lê Thanh Thủy cạnh có chiều dài 12,9m.

Phía Đông giáp suối nước X có chiều dài cạnh là 17,3m.

+ 40,3m^2 đất trồng cây hằng năm tại thôn tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2010 mang tên ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị N, trị giá: 24.180.000VNĐ (*Hai mươi bốn triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*). Tại thửa số 821 tờ bản đồ PC35 (*Kèm theo sơ đồ trích thửa ký hiệu thửa 821b*).

Phía Bắc giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị N, có chiều dài cạnh 5,0m.

Phía Tây giáp hành lang quốc lộ 4E có chiều dài cạnh 6,85m.

Phía Nam giáp thửa 821 đất trồng cây hằng năm, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng) có chiều dài cạnh 6,5m.

Phía Đông giáp phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều dài cạnh là 7,2m.

+ 65,2m^2 (Phía sau diện tích 40,3m^2 đất trồng cây hằng năm tại thửa 821), để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung hợp thửa. (*Kèm theo sơ đồ trích thửa, ký hiệu số thứ tự 1*).

Phía Bắc giáp thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị N cạnh có chiều dài 8,3m.

Phía Tây giáp thửa 821 (Đất trồng cây hằng năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho ông Phạm Minh H sử dụng) có chiều dài cạnh là 7,2m.

Phía Nam giáp phần đất diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, (Tạm giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng) có chiều dài cạnh 9,3m.

Phía Đông giáp suối nước X có chiều dài cạnh 7,9m.

Ông Phạm Minh H có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chênh lệch giá trị về tài sản cho Bà Nguyễn Thị B là 2.430.000VNĐ (*Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

2. Giao cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng:

+ 175,0m^2 đất ở nông thôn tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2010 mang tên ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị N, trị giá: 210.000.000VNĐ (*Hai trăm mười triệu đồng*). Tại thửa số 129 tờ bản đồ PC35 (*Kèm theo sơ đồ trích thửa, ký hiệu thửa 129b*).

Phía Bắc giáp thửa 821 có chiều dài cạnh 7,9m.

Phía Tây giáp hành lang quốc lộ 4E có chiều dài cạnh 18,4m.

Phía Nam giáp phần đất ở (Giao cho ông Phạm Minh H sử dụng thửa 129) có chiều dài cạnh 10,6m.

Phía Đông giáp phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều dài cạnh là 18,06m.

+ 183,4m^2 (Phía sau diện tích 175,0m^2 thửa 129) để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung hợp thửa. (*Kèm theo sơ đồ trích thửa, ký hiệu số thứ tự 3*).

Phía Bắc giáp phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều dài cạnh 10,2m.

Phía Tây giáp thửa 129 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng) có chiều dài cạnh là 18,06m.

Phía Nam giáp phần đất diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Tạm giao cho ông Phạm Minh H sử dụng) có chiều dài cạnh 11,2m.

Phía Đông giáp suối nước X có chiều dài cạnh là 17,6m.

+ 50,2m^2 đất trồng cây hằng năm tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, đã được Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2010 mang tên ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị N, trị giá: 30.120.000VNĐ (*Ba mươi triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tại thửa sô 821 tờ bản đồ PC35 (*Kèm theo sơ đồ trích thửa, ký hiệu thửa 821a*).

Phía Bắc giáp thửa 821 (Phần diện tích đất trồng cây hằng năm giao cho ông Phạm Minh H sử dụng) có chiều dài cạnh 6,5m.

Phía Tây giáp hành lang quốc lộ 4E có chiều dài cạnh 6,85m.

Phía Nam giáp phần đất ở (Giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng thửa 129) có chiều dài cạnh 7,9m.

Phía Đông giáp phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có chiều dài cạnh là 7,2m.

+ 70,9m^2 (Phía sau diện tích 50,2m^2 đất trồng cây hằng năm giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng thửa 821), để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung hợp thửa. (*Kèm theo sơ đồ trích thửa, ký hiệu số thứ tự 2*).

Phía Bắc giáp phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Tạm giao cho ông Phạm Minh H sử dụng) có chiều dài cạnh 9,3m.

Phía Tây giáp thửa 821 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng) có chiều dài cạnh là 7,2m.

Phía Nam giáp phần đất diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Tạm giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng) cạnh có chiều dài 10,2m.

Phía Đông giáp suối nước X có chiều dài cạnh 7,6m.

Bà Nguyễn Thị B được nhận khoản tiền chênh lệch giá trị về tài sản do ông Phạm Minh H thanh toán là 2.430.000VNĐ (*Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 14/9/2018, bị đơn ông Phạm Minh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Phạm Minh H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh H có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn, nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[2] Xét quan hệ hôn nhân và tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Minh H.

Bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Minh H kết hôn với nhau ngày 02/02/1988, đến ngày 27/6/2016 ông bà ly hôn theo Bản án số 10/2016/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống bà B và ông H đã tạo dựng được khối tài sản chung gồm có: Nhà, đất ở và đất trồng lúa tại thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai và diện tích 556,5m^2 đất (trong đó có 400m^2 đất thổ cư và 156,5m^2 đất trồng cây hàng năm) tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông H đều thống nhất về phần tài sản là nhà, đất tại thôn G, xã X, huyện B đã được ông bà thỏa thuận tặng cho con trai là anh Phạm Đức C, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 556,5m^2 (trong đó có 400m^2 đất thổ cư và 156,5m^2 đất trồng cây hàng năm) tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, cả bà B và ông H đều xác nhận nguồn gốc đất là do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị T. Tại bản án phúc thẩm số 07/2017/DS-PT ngày 18/9/2017 của TAND tỉnh Lào Cai đã có hiệu lực pháp luật cũng xác định tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 556,5m^2 tại thôn L, xã X, huyện B là tài sản chung của bà B và ông H, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Như vậy, Tòa án sơ thẩm xác định khối tài sản chung tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân mà bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thôn L, xã X, huyện B là có căn cứ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh H:

[3.1] Xét nội dung kháng cáo về việc Tòa án sơ thẩm chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn với bà B vì tài sản này là tài sản riêng của ông H, do năm 2010 bà B đã tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N mà không được sự đồng ý của ông nên ông đã phải khởi kiện kèo dài, tốn kém về tài sản, công sức, tiền bạc và tinh thần mới đòi lại được quyền sử dụng 556,5m^2 đất tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai:

Xét thấy, tại bản án số 07/2017/DS-PT ngày 18/9/2017 của TAND tỉnh Lào Cai đã có hiệu lực pháp luật xác định việc bà B tự ý giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 556,5m^2 đất là tài sản chung của vợ chồng tại thôn L, xã X, huyện B với anh Nguyễn Đình H, chị Trần Thị N mà không được sự đồng ý của ông Phạm Minh H là trái quy định của pháp luật nên đã tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B với anh Nguyễn Đình H, chị Trần Thị N là vô hiệu. Buộc anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị N đã trả lại cho ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B quyền sử dụng 556,5m^2 đất tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bản án cũng xác định lỗi dẫn đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu thuộc về cả hai bên giao kết hợp đồng là bà B và anh Nguyễn Đình H, chị Trần Thị N và buộc bà B có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại tương ứng với phần lỗi của mình gây ra cho vợ chồng anh Nguyễn Đình H, chị Trần Thị N là 242.034.500đ *(Hai trăm bốn hai triệu không trăm ba tư ngàn năm trăm đồng)*. Như vậy, việc ông H cho rằng tài sản này là tài sản riêng của ông H là không có căn cứ.

[3.2] Xét nội dung kháng cáo về việc bản án sơ thẩm nhận định bà Nguyễn Thị B không có chỗ ở và đất canh tác là không đúng, vì khi ly hôn ông H đã bàn giao toàn bộ tài sản đất ở, đất ruộng và đất vườn rừng cho mẹ con bà B.

Theo bản án số 10/2016/HNGĐ-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Xác định trong quá trình chung sống ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B có tạo dựng được một số tài sản chung là 01 nhà xây cấp III có diện tích 170m^2, 2,8ha đất trồng rừng và đất trồng lúa tại thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn, ông H bà B đã thỏa thuận bằng văn bản tặng cho toàn bộ tài sản là nhà, đất ở và đất trồng lúa tại thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai cho con trai là Phạm Đức C và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, Tòa án sơ thẩm nhận định bà B không có nhà ở và phải ở nhà con là có căn cứ.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H kháng cáo bổ sung: Ông cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tự ý thay đổi diện tích đất trong giấy chứng nhận đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp quyền sử dụng đất ngày 24/8/2010 mang tên ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị N:

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định đối với diện tích đất tranh chấp. Qua xem xét, thẩm định đã xác định diện tích đất thực tế không đúng với diện tích đã được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị N. Tuy nhiên, tại thời điểm xem xét, thẩm định các bên đương sự đều có mặt, nhưng không có ý kiến gì về vấn đề này. Ngoài ra, Tòa án cũng đã xác định còn một phần diện tích đất nông nghiệp liền kề thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị B nhưng chưa làm thủ tục cấp GCNQSDĐ.

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, điều kiện thực tế của các bên đương sự và các sơ đồ thực trạng của thửa đất để chia cho bà B, ông H quyền sử dụng như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ đúng theo Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn ông Phạm Minh H cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của ông Phạm Minh H không được chấp nhận nên ông Phạm Minh H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Minh H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0007747 ngày 01/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Ông Phạm Minh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phi Long